TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1031TB/VNECO-TCNS	*Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Quý cổ đông của Tổng Công ty

Tên Công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM (VNECO)

Mã chứng khoán: VNE

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Huy - Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3562361 Fax: 0236.3562367

Loại thông tin công bố: [x] 24 giờ [ ] 72 giờ [ ] bất thường

[ ] theo yêu cầu [ ] định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam công bố thông tin:

Nghị quyết số: 18/QĐ/VNECO-HĐQT ngày 08/6/2021 Về việc: Thời gian họp ĐHĐCĐ và phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2021. (Có nghị quyết và tài liệu họp ĐHĐCĐ năm 2021 đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 08/6/2021, tại địa chỉ website: www.vneco.com.vn;

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Trần Văn Huy

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VNECO.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18 NQ/VNECO-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Về việc: Thời gian họp ĐHĐCĐ và phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư Số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng Công ty ngày 08/6/2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021: 08 giờ 30 phút, thứ Tư, ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Địa điểm: Hội trường Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. HĐQT thống nhất phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ Tổng Công ty tại cuộc họp thường niên năm 2021, bao gồm:

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty; Bổ sung, sửa đổi Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Mức thù lao Thành viên HĐQT, BKS năm 2021; và quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

Điều 3. Giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban Tổng Công ty, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ban KS
- Lưu VNECO.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0400101450 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - Q.HẢI CHÂU - TP.ĐÀ NẴNG

Nguyễn Anh Tuấn

VNECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021

THƯ MỜI
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: **Quý cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam trân trọng kính mời Quý cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- ***Thời gian***: 08 giờ 00 phút, thứ Tư, ngày 30 tháng 6 năm 2021.

- ***Địa điểm***: Hội trường Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Nội dung cuộc họp***:

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty; Bổ sung, sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Mức thù lao Thành viên HĐQT, BKS năm 2021; và quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ: Công bố tại website http://www.vneco.com.vn

- Trường hợp không thể tham dự họp ĐHĐCĐ, Quý cổ đông có thể uỷ quyền cho người khác hoặc uỷ quyền cho Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát có tên (có danh sách kèm theo) tham dự bằng văn bản. Người nhận uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.

- Quý cổ đông hoặc người được uỷ quyền khi tham dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo giấy CMND/CCCD /Hộ chiếu và Giấy uỷ quyền (bản gốc) để làm thủ tục xác nhận danh sách cổ đông dự họp.

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ hoặc uỷ quyền dự họp và gửi về Tổng Công ty theo đường bưu điện hoặc Fax hoặc gửi qua email trước 14 giờ ngày 29/6/2021, theo địa chỉ: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam - số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; điện thoại: 0236.3562361, Fax: 0236.3562367, email: info@vneco.com.vn, duyen.dtn@vneco.com.vn .

Trân trọng kính mời./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Thời gian: 8 giờ 00 phút, ngày 30/6/2021 (thứ Tư)
2. Địa điểm: Hội trường Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Thời gian	Nội dung
8h00 -8h30	Đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ;
8h30-8h35	Báo cáo số cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp ĐHĐCĐ.
8h35 - 8h40	Cử thư ký cuộc họp; Bầu ban kiểm phiếu biểu quyết; Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2021;
8h40 - 10h20	Báo cáo và trình bày về việc: - Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, Kế hoạch SXKD năm 2021; - Báo cáo hoạt động của của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2021; - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; - Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020; - Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020; - Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2021; - Tờ trình Bổ sung, sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Tờ trình thù lao HĐQT, Ban KS năm 2021; - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có).
10h20 - 10h30	Nghỉ giải lao
10h30-11h10	ĐHĐCĐ thảo luận các báo cáo và nội dung các tờ trình
11h10 - 11h25	Biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo và các Tờ trình
11h25 - 11h35	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
11h35	Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.

VNECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

GIẤY ĐĂNG KÝ
THAM DỰ/ỦY QUYỀN HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: **Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Họ tên cổ đông:.....

Họ tên người đại diện (cổ đông pháp nhân):.....

Chức vụ tại tổ chức: .....

Số CMND/Hộ chiếu/GCNĐKKD: ..... Cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Tổng số cổ phần sở hữu (1):.....

Tôi xác nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, như sau:

1. Trực tiếp tham dự: ☐ (Vui lòng đánh dấu (x) vào ô)

2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ và tên:.....

Số CMND:.....Cấp ngày.....tại.....

hoặc ủy quyền: Một trong các thành viên HĐQT/Trưởng Ban kiểm soát có tên dưới đây (Vui lòng đánh dấu (x) vào Thành viên mà Quý cổ đông ủy quyền):

☐ Ông: Nguyễn Anh Tuấn- Chủ tịch HĐQT ☐ Ông: Phạm Phú Mai - Ủy viên HĐQT

☐ Ông: Trần Quang Cần - TGĐ/UV HĐQT ☐ Ông: Nguyễn Tịnh - Ủy viên HĐQT

☐ Ông: Đào Ngọc Quỳnh - Ủy viên HĐQT ☐ Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà- TB K.soát

- Bên nhận ủy quyền đại diện cho bên ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

- Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết thực hiện đúng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam và quy định hiện hành của Pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm 2021

Người được ủy quyền **Người tham dự/Người ủy quyền**

Ghi chú:

- (1) Số lượng cổ phần sở hữu của Cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán, tại ngày đăng ký cuối cùng 28/5/2021 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người.

VNECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)

Họ và tên cổ đông: .....
- Số lượng cổ phần sở hữu:
- Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:

Tổng cộng số lượng cổ phần đại diện:

Mã số: VNE.....

TT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2021			
2	Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD 2021			
3	Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán			
4	Báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021			
5	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020			
6	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020			
7	Ủy quyền HĐQT: Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021			
8	Bổ sung, sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty			
9	Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty			
10	Quy chế nội bộ về quản trị công ty			
11	Mức thù lao Thành viên HĐQT, BKS năm 2021			
12	Nội dung khác (nếu có)			
13	Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ họp thường niên năm 2021			

Lưu ý: *Quý cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn MỘT trong các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.*

Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chữ ký của cổ đông

VNECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(Dự thảo)	*Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2020

Năm 2020, chúng ta trải qua 2 đợt dịch ở nhiều tỉnh, thành (tháng 3- tháng 4/2020; tháng 7- tháng 8/2020) với tác động mạnh đến tình hình kinh tế, xã hội đất nước. Nhiều hoạt động kinh tế, xã hội bị ảnh hưởng nghiêm trọng, sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ tăng trưởng ổn định nhất là một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Trong khi đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, thiên tai, lũ lụt xảy ra tại các tỉnh phái Bắc, miền Trung, Tây Nguyên gây ra những ảnh hưởng tiêu cực sản xuất và đời sống của người dân. Với đặc thù nghề xây lắp điện thì công trải dài trên cả nước thì tất cả tác động trên đây đã thật sự ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, đời sống của công nhân lao động của Tổng Công ty và cả Tổ hợp VNECO.

1. Thuận lợi

Năm 2020, Tổng Công ty có một phần khối lượng chuyển tiếp từ năm trước sang như: Đz 500kV Quảng Trạch-Dốc Sỏi, ĐZ đấu nối vào TBA 500kV Đức Hòa (lô 18.1), Đz Hải Dương Phố Nối, Treo dây M2 ĐZ Quỳnh Lưu-Diễn Châu-Cửa Lò-Hưng Đông ĐZ 500KV Mỹ Tho - Đức Hòa..; Một số Chủ đầu tư triển khai các dự án năng lượng tái tạo tạo cơ hội cho Tổng Công ty trúng thầu một số gói thầu các dự án điện mặt trời ĐMT Vĩnh Long, ĐMT Hàm Kiệm góp phần tăng doanh thu và giải quyết việc làm cho người lao động; Tích cực tham gia các gói thầu về xây lắp, đã trúng được nhiều công trình đường dây và Trạm biến áp.

2. Khó khăn

Các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn EVN (NPT, NPC, CPC, SPC...) triển khai các dự án theo hướng phân chia giá trị các gói thầu ngày càng nhỏ nên có sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm; Chế độ XDCB vẫn duy trì theo Quyết định số 4970/QĐ-BCT, ngày 21/12/2016, từ đó các dự án có cùng quy mô công trình có tổng dự toán được phê duyệt giảm 20% - 30% so với trước đây làm ảnh hưởng doanh thu, hiệu quả Tổng Công ty;

Trên các công trình, công tác đền bù GPMB vô cùng khó khăn, phức tạp; vật tư A cấp chậm, không đồng bộ làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình. Bên cạnh đó, phát sinh tồn tại trong công tác thi công tại một số công trình của các năm 2018 về trước do các đơn vị trong Tổng Công ty đã thực hiện; Lực lượng thi công có xu hướng giảm; Các vướng mắc thủ tục là chậm tiến độ triển khai một số dự án đầu tư... đã làm giảm kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty.

II. Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2020

1. Các chỉ tiêu trên báo cáo tổng hợp

Đơn vị tính: triệu đồng (Tr.đ)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện2020	Tỷ lệ TH/ KH 2020
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.372.674	1.230.850	90%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	34.882	15.820	45,35%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	6	không	
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	904.330	904.330	100,00

(Số liệu trong BCTC tổng hợp đã được kiểm toán).

III. Đánh giá các mặt các mặt hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu xây lắp năm 2020 (phụ lục 1): 809,34 tỷ đồng/1.292,1 tỷ đồng, đạt 62,63% kế hoạch năm. Doanh thu xây lắp chưa hoàn thành kế hoạch do một số nguyên nhân: vướng đền bù ban A không/chậm giao mặt bằng thi công, phụ thuộc tiến độ cắt điện: Đz 500kV đấu nối Nghi Sơn, TBA 500kV Đức Hòa, Đz 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa; Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi, do mưa lũ ở miên Trung: không thi công được; dịch bệnh: không di chuyển quân để đẩy nhanh thi công theo kế hoạch đề ra.

2. Công tác tổ chức thi công, đấu thầu các công trình, dự án

- Công tác điều hành kế hoạch, điều động các đơn vị thi công góp phần đảm bảo tiến độ đóng điện các công trình đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư: Đz 110kV Hà Đông-Sơn Tây -mạch 1 (tháng 8/2020); Đz 110kV Qui Nhơn 2-Sông Cầu 2 (tháng 12/2020); Dự án Nhà máy điện mặt trời Hàm Kiệm 1 (tháng 10/2020); Dự án Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Long (Tháng 12/2020); Dự án Nhà máy điện mặt trời Cam Lâm Giai, đoạn 3 (tháng 7/2020);

- Công tác đấu thầu đã tích cực tham gia các gói thầu về xây lắp, đã trúng được 8 công trình đường dây và TBA với giá trị 611/600 tỷ; tỷ lệ: 102% kế hoạch năm như các công trình: Treo dây M2 ĐZ Quỳnh Lưu-Diễn Châu-Cửa Lò-Hưng Đông; ĐZ và TBA 110kV Liễu Đề; Đz 220kV Việt Trì-Tam Dương-Bá Thiện (gói 15); ĐZ 220kV Krông Buk- Nha Trang; TBA Bảo Ninh và đấu nối; Đz 500kV Chơn Thành-Đức Hòa; Đz 220kV Đấu nối TBA Long Thành; TBA 220kV Tam Phước; và đang đẩy mạnh việc tìm kiếm các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo.

3. Công tác quản lý chất lượng, tiến độ thi công và nghiệm thu thanh quyết toán

- Cập nhật công nghệ và phương pháp mới vào quản lý tiến độ, chất lượng giảm thiểu thời gian và kinh phí quản lý.

- Kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng thi công, công tác an toàn thi công;

- Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán đã ban hành quy trình nội bộ và thực hiện nghiêm túc đáp ứng tiến độ. Hầu hết khối lượng hoàn thành đều được nghiệm thu thanh quyết toán. Kịp thời ban hành các hợp đồng, đơn đặt hàng, thanh quyết toán với đơn vị thi công;

4. Công tác triển khai các dự án, đầu tư nâng cao năng lực thi công:

- Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong: Tích cực, quyết liệt để triển khai các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, với 8 tổ máy, công suất 30.4MW, đến nay cơ bản đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đã ký hợp đồng mua thiết bị tuabin hãng GE, hoàn thành mở LC, cơ bản đã chuẩn bị được đất cho Dự án;

- Dự án Điện Gió xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Công suất dự kiến 100MW Đã có văn bản số 4601/UBND-CN, ngày 08 tháng 10 năm 2020 của tỉnh Quảng Trị gửi Bộ Công thương đề nghị bổ sung vào quy hoạch điện VIII.

- Về đầu tư Xây dựng cơ bản: Hoàn thành công tác đầu tư cải tạo siêu thị Xanh Đà Nẵng, hoàn thành công tác đầu tư cải tạo trụ sở Tổng Công ty, xây dựng trụ sở VNECO miền Trung;

- Các dự án khác như: DA điện gió, điện mặt trời tại Quảng Bình, UBND tỉnh Quảng bình đã có có văn bản chỉ đạo Sở Công thương về chủ trương để Tổng Công ty khảo sát đầu tư dự án năng lượng tái tạo, ...

Một số nội dung chuẩn bị đối với các dự án khác (dự án bất động sản, dự án năng lượng tái tạo...) cho các năm tiếp theo.

Đầu tư trang thiết bị thi công kéo dây không chạm đất nhằm nâng cao năng lực hoạt động của VNECO, nâng cao chất lượng thi công các công trình, dự án, giảm chi phí đền bù, nâng cao hiệu quả kinh doanh và từng bước cải thiện nâng cao năng suất lao động công nhân xây lắp điện. Đầu tư xe máy, thiết bị để mở rộng thi công lĩnh vực Xây lắp nhà máy điện gió.

5. Công tác Tài chính- Kế toán

- Trong năm Tổng Công ty đã cơ cấu lại các khoản nợ vay hợp lý, góp phần giảm chi phí tài chính. Nợ vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng đến cuối năm là: 335,435 tỷ đồng, chi phí lãi vay trong năm là: 11,141 tỷ đồng, tăng so với năm 2019 là 1,400 tỷ đồng tương tỷ lệ tăng là 14,38%;

- Tỷ lệ thu hồi vốn bình quân cho hoạt động xây lắp có phát sinh phải thu đạt 72,14%. Tổng giá trị phải thu ngắn hạn khách hàng cuối năm còn lại 572,263 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 259,452 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu ngắn hạn là 402,123 tỷ đồng (chiếm 70,29% nợ phải thu ngắn hạn khách hàng) chuyển sang thu trong năm 2021; nợ phải thu chờ quyết toán và thẩm tra quyết toán là 44,012 tỷ đồng (chiếm 7,69% nợ phải thu ngắn hạn khách hàng); nợ phải thu bảo hành công trình là 59,381 tỷ đồng (chiếm 10,38% nợ phải thu ngắn hạn khách hàng); nợ phải thu tiềm ẩn rủi ro khó đòi là 56,368 tỷ đồng (chiếm 9,85% nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, đã trích lập dự phòng cho khoản nợ phải thu khó đòi này là 45,528 tỷ đồng);

- Nộp thuế và các nghĩa vụ với Nhà nước: Trong năm 2020, Tổng Công ty đã nộp ngân sách nhà nước tổng cộng: 23,171 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT là: 21,138 tỷ đồng, thuế TNDN (bao gồm thuế chuyển nhượng BĐS) là: 1,323 tỷ đồng, thuế khác là: 0,709 tỷ đồng).

- Báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, báo cáo thường niên: Được lập đúng thời gian quy định, gửi và công bố thông tin đầy đủ kịp thời cho các cơ quan chức năng, trên thị trường chứng khoán và trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

6. Công tác tổ chức, quản trị công ty:

- Hoàn thành việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;

- Triển khai công tác tổ chức của HĐQT, Ban điều hành Tổng Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Tổ chức lại các phòng, ban và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ phòng, ban Tổng Công ty, đảm bảo năng lực đội ngũ nhân sự đấu thầu các công trình/dự án;

- Hoàn thành chương trình công tác của HĐQT/Tổng Giám đốc năm 2020 về công tác tổ chức nhân sự; thành lập, tổ chức lại các công ty con (VNECO miền Trung, VNECO Isnvest, VNE.Powcon, VNECO-RME...);

- Kịp thời sửa đổi, ban hành một số quy chế, quy định trong quản lý, điều hành: Quy chế tài chính, quy chế phân phối trả lương, quy định chế độ công tác phí, sửa đổi nội quy lao động, quy định về công tác văn phòng, quy định thực hành tiết kiệm...

- Thực hiện tốt công tác công bố thông tin, công tác quản trị Công ty niêm yết: Công tác TCKT; Công tác tổ chức, nhân sự, cổ đông… Các nội dung liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo định kỳ, đột xuất…

7. Mối quan hệ trong tổ hợp

- Tổng Công ty và các đơn vị đã phối hợp về công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm, hỗ trợ cho các đơn vị đảm bảo tiến độ đóng điện theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

- Tổng Công ty đánh giá cao các đối tác ngoài tổ hợp đã đồng hành, phối hợp cùng Tổng Công ty trong công tác đền bù phục vụ thi công; Bổ sung lực lượng hỗ trợ trong thời gian cắt điện, thi công các công trình trọng điểm của Tổng Công ty;

- Hỗ trợ các đơn vị về công tác quản trị, công tác thông tin thị trường và các mặt hoạt động đối với các đơn vị trong tổ hợp.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. Đặc điểm tình hình hoạt động kinh doanh

1. Thuận lợi

- Khối lượng một số công trình chuyển sang năm 2021 như: Đz 500kV Quảng Trạch-Dốc Sỏi, Đz 500kV Nghi Sơn, Đz 220kV Krong Buk-Nha Trang, Đz Việt Trì-Tam Dương-Bá Thiện, Đz Đấu Nối Long Thành, Đz Chơn Thành Đức Hòa, TBA Tam phước,... với giá trị dự kiến khoảng 745 tỷ; Một số dự án đã được Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng nên việc thực hiện chỉ tiêu về doanh thu sẽ được thuận lợi hơn;

- Lĩnh vực năng lượng tái tạo, trong đó lĩnh vực điện gió có nhiều triển vọng để tăng doanh thu 2021 và các năm tiếp theo.

2. Khó khăn

- Năm 2021 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức với Tổng Công ty; Các chủ đầu tư vẫn phân chia nhỏ các gói thầu và các doanh nghiệp có đủ năng lực thi công ngày càng nhiều nên cạnh tranh quyết liệt và ảnh hưởng giá trị trúng thầu; Chế độ XDCB vẫn duy trì theo quyết định số 4970/QĐ-BCT, ngày 21/12/2016 của Bộ Công thương, từ đó các dự án có cùng quy mô công trình có tổng dự toán được phê duyệt giảm 20 - 30% so với trước đây, là thách thức đối với hoạt động kinh doanh Tổng Công ty;

- Giá nguyên vật liệu biến động tăng, đặc biệt là giá sắt thép tăng trên 40% làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả, tiến độ thi công của các dự án do Tổng Công ty làm tổng thầu.

- Công tác đền bù GPMB ngày càng khó khăn, Vật tư A cấp chậm, không đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ các công trình; Giá vật liệu, nhân công có xu hướng tăng làm ảnh hưởng lớn hiệu quả SXKD Tổng Công ty;

- Lực lượng thi công làm việc trên cao còn thiếu và yếu cần bổ sung do có sự đồng loạt thi công dựng cột kéo dây ở các công trình;

- Tình hình dịch Covid-19 kéo dài gây ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động SXKD của Tổng Công ty.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng (Tr.đ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạchnăm 2021	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020 (%)
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.230.850	3.050.000	248
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	15.820	83,696	529
3	Tỷ lệ cổ tức	%			
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	904.330	904.330	100

(Chi tiết kế hoạch thi công các công trình, dự án: có phụ lục 2 kèm theo).

III. Các giải pháp thực hiện

1. Công tác điều hành:

Quyết liệt chỉ đạo thi công các công trình đã có danh mục theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

- Tập trung, rà soát, chỉ đạo các công trình đến các đơn vị thi công theo kế hoạch mỗi kỳ 15 ngày và tổng kết mỗi kỳ. Nếu đơn vị nào không hoàn thành kế hoạch đã đăng ký sẽ xem xét điều chuyển khối lượng cho các đơn vị khác và làm cơ sở đánh giá giao khối lượng các công trình sau;

- Tăng cường năng lực đội ngũ làm công tác đền bù giải phóng mặt bằng, phối hợp tốt giữa Ban chỉ đạo và các đơn vị thi công để đảm bảo tiến độ và hiệu quả từng công trình;

- Tăng cường đầu tư nhân lực, thiết bị, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ;

- Cần duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng truyền thống (AMB, AMT, AMN, NPC, CPC, SPC...), phát triển mối quan hệ với khách hàng mới. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác nhằm tạo kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực mới;

- Xây dựng lực lượng thi công chuyên nghiệp, đầu tư máy móc thiết bị để triển khai thi công các dự án năng lượng tái tạo vì đây là lĩnh vực mới rất nhiều tiềm năng;

- Cảnh báo sớm các công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời;

- Tập trung điều hành một số công trình trọng điểm 2021: Đz 500kV Quảng Trạch-Dốc Sỏi, Đz 220kV Hải Dương- Phố Nối, TBA 500kV Đức Hòa, Đz 220kV đấu nối Trạm biến áp Long thành.

- Ưu tiên về việc Tổ chức lực lượng, triển khai thi công, hoàn thành đưa vào vận hành Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, đây là mục tiêu quan trọng hàng đầu của VNECO trong năm 2021;

2. Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình

- Tăng cường giám sát về chất lượng, an toàn trên tất cả các công trình, dự án, nhất là công trình vào giải đoạn dựng cột, kéo dây và các công trình thi công giao chéo với các đường dây mang điện nhằm đảm bảo tiến độ thi công an toàn nhất và tiết kiệm kinh phí;

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị máy móc, tăng cường nhân sự và áp dụng công nghệ mới vào thi công cho các công trình, dự án;

- Tập trung công tác quản lý vật tư trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, đồng thời tính toán để phân bổ chính xác hợp lý một số vật tư chủ đầu tư cấp theo khối lượng công việc mà đơn vị được Tổng Công ty giao.

- Áp dụng phần mềm quản lý về tiến độ thi công, sử dụng công nghệ kiểm soát chặt chẽ chất lượng thi công các công trình, dự án.

3. Các giải pháp về tài chính và quản trị

- Thực hiện các giải pháp nhằm thu đủ 100% vốn phải thu thi công các công trình từ chủ đầu tư, kể cả các khoản phải thu năm 2020 chuyển qua và giá trị phát sinh năm 2021;

- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính tạo lập đầy đủ nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, đầu tư hiệu quả, cụ thể:

+ Tìm nguồn vốn tài trợ cho dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong 1 do Công ty TNHH Thuận Nhiên Phong 1 làm chủ đầu tư, đồng thời tìm nguồn vốn tài trợ cho hợp đồng EPC thi công Nhà máy điện gió TNP;

+ Tăng hạn mức tín dụng vốn lưu động để bảo đảm nguồn vốn phục vụ hoạt động thi công xây lắp điện, điện mặt trời, điện gió và hoạt động thương mại;

- Giải quyết dứt điểm các thủ tục pháp lý để nhận quyền sở hữu: căn nhà 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai và căn nhà 167A Nguyễn Thị Minh Khai . Tìm phương án tối ưu giải phóng mặt bằng các căn nhà đã nhận quyền sở hữu tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, bảo đảm đủ điều kiện để chuyển nhượng thu hồi vốn, trước mắt nếu chưa chuyển nhượng thì thế chấp ngân hàng để tăng hạn mức vay vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng Công ty;

- Tiếp tục và kiên trì thực hiện mọi biện pháp nhằm thúc đẩy khiếu nại Tái thẩm vụ việc oan sai mà Tòa nhân dân các cấp tại TP. HCM đã tuyên buộc VNECO (là bên liên quan) phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho ngân hàng Xây dựng trong vụ án Hứa Thị Phấn và đồng phạm;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất HĐQT thực hiện tái cấu trúc một số tài sản hiện có, các khoản đầu tư tài chính theo hướng khai thác tối đa lợi thế của tài sản, các khoản đầu tư, bảo đảm phù hợp với điều kiện của Tổng Công ty trong thực tế hiện nay;

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát và cắt giảm tất cả các chi phí không hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Tổng Công ty;

- Xây dựng, sửa đổi ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản quản lý tài chính nội bộ;

- Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị.

- Nghiên cứu, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, công ty liên kết, hướng đến hoạt động kinh doanh có hiệu quả, giảm thiểu lỗ trong những năm tới. Từng bước xây dựng tầm nhìn chiến lược cho từng công ty thành viên, công ty liên kết mục tiêu phát triển bền vững, có khả năng tự chủ tài chính và hoạt động kinh doanh góp phần tạo nên sức mạnh của cả tổ hợp VNECO.

- Kịp thời bổ sung, sửa đổi điều lệ VNECO theo Luật doanh nghiệp 2020, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, hoàn thành công tác xây dựng ban hành các quy định, quy trình vận hành nội bộ của Tổng Công ty;

4. Xây dựng mối quan hệ và định hướng phát triển của Tổ hợp

VNECO xác định trong năm tới, mục tiêu chiến lược kinh doanh nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập chính được ưu tiên là lĩnh vực xây lắp điện và xây lắp các công trình năng lượng tái tạo. Trên cơ sở khơi thông được nguồn tài chính tự có và huy động được từ các tổ chức tài chính, ngân hàng, VNECO sẽ tập trung nguồn lực ưu tiên phát triển khai thác một số dự án hiện có. Cụ thể như sau:

- Đối với xây lắp Đường dây, Trạm biến áp, EPC: Xây dựng chiến lược giá hợp lý cạnh tranh, gia tăng thị phần lên 12%, với tốc độ tăng trưởng doanh thu trên 15%/năm.

- Đầu tư các dự án NLTT: Đưa vào vận hành Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, công suất 30MW; Chuẩn bị thủ tục đầu tư để triển khai một số dự án NLTT tại tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị.

- Đầu tư các dự án BĐS: Tùy tình hình thực tế để đầu tư và đưa vào khai thác một số dự án BĐS. Trước mắt tập trung giải quyết các vướng mắc để khai thác quỹ đất còn lại của Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng.

- Tăng năng lực cạnh tranh, tối đa hóa giá trị công ty:

+ Đối với lĩnh vực xây lắp và NLTT: Củng cố, xây dựng công ty con, công ty liên kết, Chi nhánh ngày càng vững mạnh, giao trọn gói khối lượng lớn thi công các công trình; Đầu tư các phương tiện máy móc chuyên ngành, nhân lực thi công chuyên nghiệp.

+ Đối với lĩnh vực đầu tư NLTT: Duy trì các nhà cung cấp sẵn có, tiếp cận các đơn vị tư vấn. Chọn các nhà thầu đủ tiềm lực, tiếp cận các khoản vay ưu đãi và hoàn thiện các thủ tục liên quan đến dự án để khởi công.

+ Đối với lĩnh vực bất động sản: Xây dựng nguồn nguồn lực tài chính vững mạnh, đảm bảo để thực hiện các dự án, đồng thời dự báo được các rủi ro trong kinh doanh.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý cổ đông.

Kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông mạnh khoẻ và thành công.

Xin chân thành cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0400101450 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM Q.HẢI CHÂU - TP.ĐÀ NẴNG

TRẦN QUANG CẦN

PHỤ LỤC 01: DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

TT	Nội dung công việc	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Dự kiến 2021	Ghi chú
I	**CÁC CÔNG TRÌNH XÂY LẮP**	**1.292.167**	**809.341**	**1.028.763**	
I.1	**Các công trình phía Bắc**	**279.231**	**180.380**	**156.838**	
1	Đz 110 kV Cải tạo Hà Đông - Sơn Tây	19.630	14.941	3.000	
2	TBA 220kV Đô Lương (lắp máy 2)	-	35	-	
3	Đz & TBA 110kV Tĩnh Gia 2	14.051	12.577	3.000	
4	Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Trạm 500kV Phố Nối (G19-ĐC)	78.118	38.147	44.480	
5	Đz 110 kV Hà Đông -Sơn Tây-Mạch 2	32.302	36.009	-	
6	Đz 500kV đấu nối nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2	41.117	22.818	18.299	
7	Nhánh rẽ TBA 220kV Sơn Tây			25	
8	Treo dây M2 Đz Quỳnh Lưu-Diễn Châu-Cửa Lò-Hưng Đông	38.338	24.895	12.672	
9	Đz và TBA 110kV Liễu Đề	55.674	30.960	24.168	
10	Đz 220kV Việt Trì-Tam Dương-Bá Thiện (gói 15)			51.194	
I.2	**Các công trình miền Trung**	**454.573**	**130.089**	**301.364**	
1	Đz 22kV Tuyên Hóa	-	1.545	-	
2	Đz 500kV Quảng Trạch-Dốc Sỏi	189.002	80.746	138.742	
3	Đz 110kV Qui Nhơn 2-Sông Cầu 2 (gói W2)	42.636	35.985	6.651	
4	Đz 220kV Krôngbuk- Nha Trang	122.934	11.813	117.998	
5	TBA Bảo Ninh và đấu nối			37.903	
6	Đz 220kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan			70	
7	Các công trình dự kiến trúng thầu trong năm 2020 (Miền Trung)	100.000	-	-	
I.3	**Các công trình phía Nam**	**229.964**	**105.948**	**270.561**	
1	Đz 500kV Sông Mây-Tân Uyên_Lô 11.2	-	6.744	-	
2	Đz 500kV Long Phú-Ô Môn	-	(2.479)	-	
3	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng			(21)	
4	TBA 500kV Tân Uyên	8.577	4.729	5.000	
5	Xây lắp các đường dây đấu nối vào TBA Tân Uyên	7.873	11.538	1.000	

TT	Nội dung công việc	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Dự kiến 2021	Ghi chú
6	Đz 500KV Mỹ Tho - Đức Hòa	13.023	3.340	9.741	
7	Đz 220kV Cầu Bông - Bình Tân (ĐLHCM)	7.941	-	-	
8	TBA 500kV Đức Hòa	62.868	58.643	27.000	
9	Đz 110 kV Tràng Bàng 2-Đức Hòa	-	22	-	
10	Đz 110kV Bình Long 2-Mỹ Phước	-	318	-	
11	Đz đấu nối 220kV số 2 TBA Đức Hòa_Lô 18.1	31.995	24.961	7.035	
12	Đz 500kV Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên	(2.313)	(1.869)	-	
13	Các công trình dự kiến trúng thầu	100.000	-	-	
14	Đz 500kV Chơn Thành-Đức Hòa			97.205	
15	Đz 220kV Đấu nối TBA Long Thành			53.739	
16	TBA 220kV Tam Phước	-	-	69.862	
I.4	**Các công trình dự kiến sẽ trúng thầu năm 2021**			**300.000**	
II	**CÁC CÔNG TRÌNH NGOÀI NPT, CÁC TCT ĐIỆN LỰC MIỀN**	**328.400**	**223.612**	**688.237**	
1	Công trình Nhà máy điện mặt trời miền Trung	-	20.000	-	
2	Công trình Nhà máy điện mặt trời Thuận Nam-Đức Long	-	3.707	-	
3	Công trình Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Long	-	52.914	7.279	
4	Đz 110kV Krông Buk-Buôn Ma Thuột	-	159	-	
5	Đz 110kV Lương Sơn-Hòa Thắng-Mũi Né	28.400	34.443	-	
6	Công trình Nhà máy điện mặt trời Cư Jut	-	2.139	-	
7	Công trình Nhà máy điện mặt trời Hàm Kiệm 1	106.494	110.162	1.958	
8	Điện mặt trời áp mái KS Xanh Đà Nẵng	-	88	-	
9	Công trình Đz & Trạm biến áp 220kv Cà Mau 1			521.000	
10	Các công trình dự kiến trúng thầu	193.506	-	158.000	
III	**CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN GIÓ**	**-**	**169.312**	**623.000**	
1	Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	-	169.312	623.000	

TT	Nội dung công việc	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Dự kiến 2021	Ghi chú
IV	**XÂY LẮP CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ**	**-**	**-**	**110.000**	
V	**HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**	**-**	**371.145**	**600.000**	
VI	**DOANH THU, THU NHẬP KHÁC**	**80.508**	**48.525**	**-**	
1	Doanh thu bất động sản	78.373	46.469		
2	Doanh thu từ dịch vụ du lịch	2.135	2.056	-	
VII	**TỔNG DOANH THU**	**1.372.674**	**1.229.011**	**3.050.000**	

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**DOANH THU BÁN HÀNG HOÁ & DỊCH VỤ**	**3.050.000**	
1	**Các công trình xây lắp**	**1.717.000**	
	Các công trình chuyển tiếp từ 2020	466.000	
	Các công trình đã trúng thầu	793.000	
	Các công trình sẽ trúng thầu năm 2021	458.000	
2	**Hợp đồng EPC các công trình điện gió**	**623.000**	
	Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	623.000	
3	**Lắp đặt điện gió**	**110.000**	
4	**Hoạt động thương mại**	**600.000**	
II	**GIÁ VỐN HÀNG BÁN**	**2.863.000**	
1	**Các công trình xây lắp**	**1.611.650**	
	Các công trình chuyển tiếp từ 2020	435.710	
	Các công trình đã trúng thầu	745.420	
	Các công trình sẽ trúng thầu năm 2021	430.520	
2	**Hợp đồng EPC các công trình điện gió**	**591.850**	
	Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	591.850	
3	**Lắp đặt điện gió**	**71.500**	
4	**Hoạt động thương mại**	**588.000**	
III	**LỢI NHUẬN GỘP (I-II)**	**187.000**	
1	**Các công trình xây lắp**	**105.350**	
	Các công trình chuyển tiếp từ 2020	30.290	
	Các công trình đã trúng thầu	47.580	
	Các công trình sẽ trúng thầu năm 2021	27.480	
2	**Hợp đồng EPC các công trình điện gió**	**31.150**	
	Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	31.150	
3	**Lắp đặt điện gió**	**38.500**	
4	**Hoạt động thương mại**	**12.000**	
IV	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**1.100**	
V	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**33.980**	
	Vốn vay dài hạn phục vụ kinh doanh (10%/năm)	3.980	
	Vốn vay lưu động phục vụ kinh doanh (6,5%/năm)	30.000	
VI	**LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (IV-V)**	**(32.880)**	
1	Thu nhập khác	-	
2	Chi phí khác	-	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
VII	**THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC (1-2)**	-	
VIII	**CHI PHÍ BÁN HÀNG**		
IX	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**	**49.500**	
X	**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (III+VI+VII-VIII-IX)**	**104.620**	
XI	**THUẾ TNDN PHẢI NỘP (20%)**	20.924	
XII	**THUẾ TNDN HOÃN LẠI**		
XIII	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ TỪ HĐKD (X-XI-XII)**	**83.696**	
	Cổ phiếu đang lưu hành (trừ 8,498,920 CP quỹ)	**81.934.033**	
	Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	**1.021,50**	

VNECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2020

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dự thảo)

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Kính gửi: ĐHĐCĐ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm 2020 là năm nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái do tác động nặng nề từ dịch Covid-19. Tại Việt Nam bên cạnh dịch bệnh thì biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bão, lũ, sụt lún, hạn hán, ... diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Với đặc thù của ngành xây lắp điện, thi công trải dài trên các địa bàn mọi miền đất nước, tất cả tác động trên dây đã thật sự ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, đời sống của công nhân lao động của Tổng Công ty và cả Tổ hợp VNECO; Mặc dù năm qua đầy khó khăn nhiều mặt, tuy nhiên Tổng Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao.

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin được báo cáo Đại hội kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020, định hướng năm 2021, như sau:

I/ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020			Tỷ lệ 2020/ 2019 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)	
Doanh thu và thu nhập	trđ	1.125.368	1.372.670	1.230.850	89,67	109,37
Doanh thu Xây lắp điện	trđ	891.139	1.292.197	809.252	62,63	90,81
Doanh thu khác, thu nhập khác	trđ	234.229	80.473	421.598	523,90	179,99
Lợi nhuận sau thuế	trđ	9.574	34.882	15.820	45,35	165,24
Vốn điều lệ	trđ	904.330		904.330		
Tổng Tài sản	trđ	1.305.704		1.918.438		146,93
Cổ phiếu đang lưu hành (trừ CP quỹ)	CP	81.934.033		81.934.033		

2. Các hoạt động chính của HĐQT năm 2020:

HĐQT đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 30/6/2020 và bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025;

Năm 2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty đã tổ chức 09 cuộc họp định kỳ và bất thường, ban hành 29 nghị quyết và quyết định về công tác tổ chức,

quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty.

2.1. Công tác tổ chức của HĐQT

HĐQT Tổng Công ty nhiệm kỳ 2020-2025, có 05 thành viên. Tổ chức HĐQT: Chủ tịch chuyên trách; 01 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc; 01 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc theo dõi lĩnh vực phát triển dự án; 02 Thành viên độc lập thực hiện các công việc do HĐQT phân công về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh thương mại…

2.2. Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư, thành lập các Công ty con

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01 NQ/VECO-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2020, Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư như sau:

- Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 từ 2 tỷ đồng lên 440 tỷ đồng;
- Nhận chuyển nhượng vốn và tổ chức lại Công ty TNHH MTV Đầu tư VNECO, vốn điều lệ (đăng ký): 50 tỷ đồng;
- Tổ chức lại và đổi tên Công ty TNHH MTV Bất động sản và Du lịch VNECO thành Công ty TNHH MTV VNECO miền Trung, vốn điều lệ: 12 tỷ đồng;
- Thành lập Công ty TNHH MTV Xây lắp Năng lượng VNECO, vốn điều lệ (đăng ký): 100 tỷ đồng;
- Thoái toàn bộ phần vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Điện mặt trời Vĩnh Long, Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO7;

Tổng vốn đầu tư của VNECO tại các doanh nghiệp, thời điểm 31/12/2020 là: 474.187 tỷ đồng. Trong đó: Vốn đầu tư tại 09 Công ty con (có 04 Cty TNHH một thành viên) và 02 công ty liên kết, là: 443,367 tỷ đồng; Đầu tư khác (góp dưới 20% vốn điều lệ công ty): 30,82 tỷ đồng.

HĐQT đã phê duyệt chủ trương đầu tư trang thiết bị thi công kéo dây không chạm đất nâng cao chất lượng thi công các công trình; Đầu tư xe máy, thiết bị để mở rộng thi công lĩnh vực Xây lắp nhà máy điện gió nhằm nâng cao năng lực hoạt động của VNECO.

2.3. **Công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD**

Để đạt được kết quả nêu trên, HĐQT Tổng Công ty đã chủ động trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành với những biện pháp cụ thể:

- Kiên định bám sát mục tiêu SXKD: doanh thu, lợi nhuận, chủ động trong công tác chỉ đạo, linh hoạt trong tham gia điều hành cùng với Tổng Giám đốc đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 mà ĐHĐCĐ đã đề ra;
- Đẩy mạnh công tác thị trường, nâng cao năng lực đấu thầu các dự án, tập trung chỉ đạo các đơn vị thành viên trong tổ hợp thực hiện mục tiêu thi công các công trình đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư, nâng cao uy tín, khẳng định vị thế, phát huy truyền thống, xây dựng thương hiệu VNECO trên thị trường xây lắp điện;
- Phê duyệt cơ cấu tổ chức, tái cấu trúc bộ máy điều hành và bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ. Trong đó, Ban Tổng Giám đốc 05 thành viên (trước đó là 07 thành viên); và 08 phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động điều hành;
- Mở rộng lĩnh vực hoạt động, đẩy mạnh kinh doanh thương mại, tổ chức, quản lý, thi công các dự án xây lắp đường dây và trạm theo hình thức đấu thầu trọn gói;

- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2020, HĐQT đã quyết định, triển khai đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, với 8 tổ máy, công suất 30.4MW, đã ký hợp đồng mua thiết bị tuabin hãng GE, hoàn thành mở LC, do Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 làm chủ đầu tư nhằm thực hiện chiến lược phát triển Tổng Công ty, giai đoạn 2020-2025 theo định hướng phát triển đã được ĐHĐCĐ Tổng Công ty thông qua;

Đầu tư cải tạo Trụ sở Tổng Công ty 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Hoàn thành công tác đầu tư cải tạo siêu thị Xanh Đà Nẵng, 66 Hoàng Văn Thái; hoàn thành việc đầu tư xây dựng trụ sở VNECO miền Trung;

- Các dự án khác như: Dự án Điện Gió xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Công suất dự kiến 100MW Đã có văn bản số 4601/UBND-CN, ngày 08 tháng 10 năm 2020 của tỉnh Quảng Trị gửi Bộ công thương đề nghị bổ sung vào quy hoạch điện VIII; DA điện gió, điện mặt trời tại Quảng Bình, UBND tỉnh Quảng bình đã có có văn bản chỉ đạo Sở Công thương về chủ trương để Tổng Cổng ty khảo sát đầu tư dự án năng lượng tái tạo, ...

2.4. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT năm 2020

HĐQT hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc quản trị công ty, tuân thủ đúng quy định tại điều lệ Tổng Công ty, quy định của pháp luật. Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp định kỳ và bất thường. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập vào công tác quản lý, điều hành, công tác tổ chức, nhân sự, tái cơ cấu nguồn vốn, triển khai các dự án đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh doanh, xây dựng Tổng Công ty phát triển bền vững. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thảo luận, với sự nhất trí 100% thành viên HĐQT tham dự họp.

Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty; Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, đồng thời đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công của HĐQT góp phần hoàn thành nhiệm vụ hoạt động kinh doanh năm 2020.

HĐQT thường xuyên gám sát Tổng Giám đốc, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và quyết định của HĐQT, với kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã nêu trong báo cáo trình ĐHĐCĐ.

2.5. Tổng số tiền thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020;

- Tiền lương của Chủ tịch, thù lao thành viên HĐQT là: 761.000.000 đồng
- Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát: 412.471.000 đồng.
- (Chi tiết theo Tờ trình về việc thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021).

3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Tổng Giám đốc.

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với Tổng Công ty, tình hình dịch Covid-19, thiên tai, lũ lụt xảy ra tại các tỉnh phái Bắc, miền Trung, Tây Nguyên gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công

ty. Các chủ đầu tư ngành Điện triển khai các dự án theo hướng phân chia giá trị các gói thầu ngày càng nhỏ, đồng thời vẫn áp dụng Quyết định số 4970/QĐ-BCT, ngày 21/12/2016 của Bộ Công thương, từ đó các dự án có cùng quy mô công trình có tổng dự toán được phê duyệt giảm 20% - 30% so với trước đây làm ảnh hưởng doanh thu, hiệu quả Tổng Công ty;

HĐQT đã bám sát mục tiêu để quản lý Tổng Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan; Giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành của ban Tổng Giám đốc trong vệc tổ chức, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra tại cuộc họp thường niên năm 2020, với sự cẩn trọng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, vì lợi ích của Tổng Công ty.

Về kết quả thực hiện năm 2020: Doanh thu, lợi nhuận đều tăng trưởng cao hơn so với năm 2019. Tuy nhiên năm 2020, Tổng Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do: Trên hầu hết các công trình đang thi công theo kế hoạch năm 2020 đều vướng đền bù do chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, phụ thuộc tiến độ cắt điện, do mưa lũ ở miền Trung kéo dài không thi công được; dịch bệnh không di chuyển quân để đẩy nhanh thi công theo kế hoạch đề ra. Bên canh đó, do giá thị trường vật liệu, nhiên liệu (thép, xăng, dầu, cát xây dựng…) bị đẩy lên cao, nếu tiếp tục thi công thì chắc chắn Tổng Công ty bị thiệt hại nghiêm trọng. Do đó, một số công trình Tổng Công ty chủ động dừng thi công chờ chủ đầu tư xem xét, điều chỉnh đơn giá để thi công tiếp hoặc chấm dứt hợp đồng nếu xem xét tổng thể thiệt hại lớn.

Năm 2020, HĐQT đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt, quyết tâm cao của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc tổ chức triển khai các phương án kinh doanh, tập trung chỉ đạo, thi công các công trình trọng điểm, tăng cường quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tích cực triển khai đầu tư các dự án, với dấu ấn nổi bật nhất là tập trung ưu tiên nguồn lực để đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, mục tiêu hoàn thành đóng điện trong tháng 10 năm 2021. Đồng thời Tổng Giám đốc, Ban Điều hành đã chuẩn bị tốt Kế hoạch kinh doanh năm 2021 và tạo tiền đề hoạt động của Tổng Công ty cho các năm sau theo đúng chiến lược đề ra, nhằm đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty, của cổ đông cũng như đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

II/ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021.

Để thực hiện được kế hoạch kinh doanh năm 2021, với chỉ tiêu doanh thu: 3.050 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế: 83,696 tỷ đồng như đã trình bày với Qúy cổ đông. HĐQT Tổng Công ty tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động lĩnh vực Xây lắp điện (phát triển thị trường, đấu thầu, tổ chức thi công), tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm như đã trình bày trong báo cáo về kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Tập trung nguồn lực ưu tiên hoàn thành Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, với mục tiêu đóng điện trong tháng 10 năm 2021; Lựa chọn phát triển một số dự án mới sau khi được ĐHĐCĐ thông qua;
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bất động sản trên cơ sở dự án đang triển khai, tìm kiếm dự mới và khai thác, phát triển quỹ đất hiện có của Tổng Công ty

để đạt được mục tiêu hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty; chủ động lựa chọn phương án triển khai hoạt động kinh doanh thương mại;

- Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong thi công các công trình điện, nâng cao năng lực thi công xây lắp, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành;

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh, tối đa hóa lợi ích doanh nghiệp từ Tổng Công ty đến các công ty con, đơn vị trực thuộc, thực hiện quy hoạch và xây dựng đội ngũ kế cận thuộc thẩm quyền HĐQT, tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển Tổng Công ty, giai đoạn 2020-2025;

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, hoạt động đầu tư, công tác đấu thầu nhằm hạn chế tối đa các rủi ro có thể xây ra trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

- Năm 2021, theo nhận định của HĐQT thì vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, dịch Covid-19 vẫn chưa được đẩy lùi; các chế độ về quản lý đầu tư xây dựng đặc biệt là đơn giá định mức liên quan đến việc xây dựng giá gói thầu các công trình tải điện trên không vẫn chưa được thay đổi và điều chỉnh, sự biến động đơn giá vật liệu xây dựng (đặc biết giá sắt, thép) đang diễn ra có dấu hiệu dừng lại, thiên tai khắc nghiệt đang rình rập có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nhưng với những kết quả đã đạt được trong năm qua cùng sự quyết tâm, đoàn kết, vượt lên, HĐQT hoàn toàn tin tưởng Tổng Công ty sẽ hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu đề ra. HĐQT kính mong nhận được sự ủng hộ, chia sẻ và hợp tác của quý cổ đông nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất trong năm 2021.

Trên đây là một số nội dung chính về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT Tổng Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cám ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BAN KIỂM SOÁT
(Dự thảo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 06 năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.

BAN KIỂM SOÁT:

Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà - Trưởng Ban Kiểm soát.

Ông : Lê Chí Dũng - Thành viên Ban Kiểm soát.

Bà : Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm Soát (BKS) xin báo cáo trước Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) năm 2020 với các nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

1. Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BĐH), theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2020.

2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và BĐH.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2020, đã được soát xét và kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.

Năm 2020 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp của BKS, bao gồm: đánh giá hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2020 thông qua số liệu, công tác kiểm tra, kiểm toán báo cáo tài chính và các thông tin thu thập khác.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tình hình hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành Tổng Công ty:

a) Hội đồng Quản trị

Năm 2020 HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp. Trong đó 07 lần tổ chức họp và 02 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT (do dịch Covid 19 nên không thể triệu tập họp trực tiếp) để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc điều hành kinh doanh, xúc tiến đầu tư các dự án theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2020.

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT, nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT đã thực hiện trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

b) Ban Điều hành

Trong năm 2020, BKS nhận thấy công tác quản lý điều hành và quản lý các hoạt động kinh doanh Tổng Công ty của BĐH đã tuân thủ các nghị quyết của HĐQT, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Tổng Công ty.

Công tác kế toán của Tổng Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Việc tổ chức công tác tài chính, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời hàng quý, đảm bảo tuân thủ theo đúng thời gian quy định của UBCK.

BKS xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập.

Một số chỉ tiêu về tài sản và nguồn vốn Tổng Công ty đến 31/12/2020:

Tổng Tài sản - Tổng Nguồn vốn Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	31/12/2020	So với 31/12/2019
I	**Tổng tài sản**	**1.918**	**146,9%**
1	Tài sản ngắn hạn	998	135,0%
2	Tài sản dài hạn	920	162,6%
II	**Tổng nguồn vốn**	**1.918**	**146,9%**
1	Nợ phải trả	951	268,7%
2	Vốn chủ sở hữu	967	101,6%

Cơ cấu Vốn - Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019
I	**Cơ cấu Vốn**		
1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	49,6%	27,12%
2	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	50,4%	72,88%
II	**Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động**		
1	LNST/Tổng TS	0,82%	0,73%

Với số liệu như trên, BKS có nhận xét như sau:

Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là: 1.918 tỷ đồng, tăng 146,97 % (tương đương 613 tỷ đồng) so với năm 2019.

Trong năm 2020, cơ cấu Nợ phải trả trên Tổng nguồn vốn đạt 49,6%, tăng 22,48% so với năm 2019, do có phát sinh các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN. Đề nghị Tổng Công ty xem xét cơ cấu nguồn vốn giữa vốn lưu động và vốn trung, dài hạn tài trợ cho các hoạt động đầu tư để giảm thiểu rủi ro tài chính và đồng thời xem xét phát hành cổ phiếu quỹ phù hợp với nhu cầu vốn.

3. Về tình hình hoạt động SXKD của Tổng Công ty:

Đvt: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH TH2020/KH2020		SO SÁNH TH2020/TH2019	
					(%)	(+/-)	(%)	(+/-)
I	**Doanh thu tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ**	**1.229.011**	**1.372.675**	**1.120.193**	**89,5%**	**(143.664)**	**109,7%**	**108.818**
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	809.329	1.292.167	891.139				
2	Bất động sản tại khu đô thị Mỹ Thượng Huế	46.469	78.373	222.888				
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng	2.056	2.135	6.166				
4	Hoạt động thương mại	371.157						
II	**Chi phí giá vốn hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ**	**1.157.457**	**1.285.004**	**1.039.030**	**90,1%**	**(127.547)**	**111,4%**	**118.427**
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	743.249	1.209.312	837.076				
2	Bất động sản tại khu đô thị Mỹ Thượng Huế	40.314	67.400	191.762				
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng	6.845	8.292	10.192				
4	Hoạt động thương mại	367.049						
A	**Lợi nhuận gộp từ KD HH, Dịch vụ (I-II)**	**71.554**	**87.671**	**81.163**	**81,6%**	**(16.117)**	**88,2%**	**(9.609)**
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	66.080	82.855	54.063				
2	Bất động sản tại khu đô thị Mỹ Thượng Huế	6.155	10.973	31.126				
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng	(4.789)	(6.157)	(4.026)				
4	Hoạt động thương mại	4.108						
III	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**1.290**	**-**	**1.453**		**1.290**	**88,8%**	**(163)**
IV	**Chi phí hoạt động tài chính**	**13.639**	**12.150**	**14.665**	**120,7%**	**2.515**	**93,0%**	**(1.026)**
B	**Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (III-IV)**	**(12.349)**	**(12.150)**	**(13.212)**	**108,7%**	**(1.062)**	**93,5%**	**863**
C	**Lợi nhuận khác**	**201**	**-**	**1.145**		**201**	**17,6%**	**(944)**
1	Thu nhập khác	548						
2	Chi phí khác	347						
D	Chi phí bán hàng	4.545	-	-				
E	Chi phí QLDN	37.811	31.918	53.156	118,5%	5.893	71,1%	(15.345)
F	**Lợi nhuận trước thuế (A+B+C-D-E)**	**17.050**	**43.603**	**15.940**	**36,6%**	**(27.663)**	**107,0%**	**1.110**
G	Thuế TNDN phải nộp	1.063	8.720	5.455				
K	Thuế TNDN hoãn lại	167		911				
H	**Lợi nhuận sau thuế từ HĐKD (F-G-K)**	**15.820**	**34.883**	**9.574**	**45,4%**	**(19.063)**	**165,2%**	**6.246**

Ban kiểm soát nhận xét:

Doanh thu năm 2020 VNECO đạt 89,5% kế hoạch và so với cùng kỳ 2019 đạt 109,7%. Doanh thu không đạt theo kế hoạch tập trung chủ yếu ở hoạt động xây lắp. Song

ngoài hoạt động chính của Tổng Công ty, năm qua HĐQT và Ban Điều hành có chủ trương mở rộng thêm các hoạt động kinh doanh khác như: EPC các công trình điện, cung cấp vật tư, kinh doanh các ngành liên quan ngoài hoạt động chính là xây lắp điện, thương mại PIN năng lương mặt trời.. , nhằm hướng tới phát triển đa ngành nghề - điều này không những tận dụng được lợi thế trong ngành mà còn và phù hợp với xu thế chung hiện nay.

Kết quả HĐKD năm 2020 lãi 15.820 triệu đồng đạt 45,4% so với kế hoạch năm 2020 và so với cùng kỳ năm 2019 đạt 165,2% tương ứng với giá trị là 6.246 triệu đồng.

Đề nghị Ban lãnh đạo VNECO đánh giá lại hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, tìm kiếm các giải pháp tốt nhất từ công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng, đến khâu kiểm tra giám sát, tiết kiệm các khoản chi phí đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo hoạt động có hiệu quả hơn trong năm 2021.

Các công ty con vẫn ở tình trạng hoạt động kinh doanh chưa hiệu quả. Đề nghị Ban Điều hành có biện pháp giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh, giao chỉ tiêu và hỗ trợ các hoạt động tại các đơn vị, đặc biệt xem xét đầu tư phát triển mở rộng, nâng tính chủ động cho các Công ty con và Công ty liên kết, với nguồn vốn thấp thì khả năng đấu thầu kém và không thể tương ứng với việc phát triển doanh thu, đồng thời phân tán rủi ro cho Tổng Công ty.

- Đến thời điểm hiện tại, vụ án bà Hứa Thị Phấn *(theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh)* vẫn chưa được xử lý, ngày 20/6/2020 Tổng Công ty đã gửi đơn Tái thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Tổng Công ty cũng đã gửi đơn đến Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị đối với bản án số: 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 nhưng đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả cuối cùng. BKS đề nghị HĐQT, BĐH tiếp tục kháng cáo, khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền xem xét việc VNECO phải hoàn trả 200 tỷ cho Ngân hàng Xây dựng, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty theo đúng pháp luật.

4. Tình hình công nợ phải thu tại 31/12/2020:

Đvt: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Phải thu của khách hàng ngắn hạn	496.071
2	Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các Bên liên quan (VNE 3,4,8,12, TNP)	76.192
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn các Bên liên quan	4.235
4	Phải thu ngắn hạn khác	198.105
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(164.457)
	Tổng cộng	**610.146**

Ý kiến của Ban kiểm soát:

Số công nợ phải thu hiện tại còn liên quan đến Bất động sản TP.Hồ Chí Minh bao gồm:

Khoản công nợ phải thu ngắn hạn của Lâm Phúc Lâm và Lã Thị Thúy Vân: 36.098 triệu đồng; Khoản phải thu của Công ty TNHH TM&XD Phúc Vân Hà: 22.820 triệu đồng; Công ty CP Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng nhà Tín Nghĩa: 30.421 triệu đồng (TCT đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 89.341 triệu đồng) .

Đối với Công ty CP Đầu tư và xây dựng điện Hồi Xuân: Hiện nay có khoản Nợ phải thu là 56.368 triệu đồng, Tổng Công ty đã trích lập Dự phòng là 45.528 triệu đồng. Đề nghị Tổng công ty có phương án xử lý dứt điểm đối với khoản nợ phải thu này, do

khoản công nợ này đã có tuổi nợ trên 3 năm. Đồng thời, hiện nay số tiền Tổng công ty đã đầu tư vào Công ty Hồi Xuân là 30.820 triệu đồng, cũng đề nghị Tổng Công ty có phương án thoái vốn tại đơn vị nếu đầu tư kinh doanh không hiệu quả.

Khoản phải thu của Công ty TNHH TM&XD Phúc Vân Hà là: 20.698 triệu đồng (trong đó đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 20.698 triệu đồng).

Đề nghị VNECO tiếp tục xúc tiến hoàn tất các thủ tục để được ghi nhận tài sản theo đúng thỏa thuận hợp đồng.

Khoản công nợ tạm ứng tại Tổng Công ty đến 31/12/2020 có giá trị dư nợ năm 2020 là: 9.152 triệu đồng. BKS nhận thấy số dư nợ lớn, trong đó có một số cá nhân dư nợ rất lớn cụ thể: Ông Đặng Ngọc Chương dư nợ: 1.076 triệu đồng; Ông Ngô Văn Cường: 1.262 triệu đồng; Ông Ngô Chí Công: 1.415 triệu đồng. Đề nghị VNECO thúc đẩy CBNV sớm hoàn ứng để việc ghi nhận chi phí được thực hiện kịp thời, tránh rủi ro và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

BKS cũng đề nghị Tổng Công ty có giải pháp phân loại và thu hồi nợ ghi nhận vào chi phí phù hợp tránh rủi ro thâm hụt nguồn vốn

Đối với các khoản phải thu nội bộ: Đvt: Triệu đồng

TT	Tên khách hàng	Đầu kỳ nợ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Cuối kỳ nợ	Cuối kỳ có
1	Khách sạn xanh - Đà nẵng	23.505	4.797	304	27.998	
2	Tổng công ty CP XD Điện VN - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	877	12.724	11.261	2.341	
3	Tổng công ty CP XD Điện VN - Chi nhánh miền Bắc	2.191	27.521	28.495	1.217	
	Tổng cộng	**26.573**	**45.042**	**40.060**	**31.555**	

Ý kiến của Ban kiểm soát:

Đề nghị VNECO có giải pháp thu hồi nợ đối với Khách sạn Xanh – Đà Nẵng, xem xét xử lý đưa ra giải pháp kinh doanh hiệu quả nhất, tránh tình trạng lỗ liên tục trong nhiều năm.

5. Tình hình công nợ phải trả tại 31/12/2020:

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Phải trả người bán ngắn hạn	249.226
2	Phải trả người bán ngắn hạn là các Bên liên quan	35.396
3	Phải trả người lao động	7.147
4	Người mua trả trước ngắn hạn	57.511
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	198.327
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	86
7	Phải trả ngắn hạn khác	61.612
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	327.869
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	659
	Tổng cộng	**937.833**

Ý kiến của Ban Kiểm soát:

Chi phí phải trả ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2020 là: 935.797 triệu đồng bao gồm các khoản: Phải trả người bán ngắn hạn, phải trả các Bên liên quan, Dự chi lãi vay ngân hàng, Dự chi các khoản thù lao HĐQT, BKS; Trích trước vào giá thành các công trình xây lắp, các nhà máy điện mặt trời, dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong. Đề nghị VNECO trong thời gian đến cần phải hoàn nhập đúng đủ các hồ sơ hợp lệ để đảm bảo chi phí phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với khoản kết chuyển giá vốn cho công trình ĐZ 110kV TNP-MN và MRNL 110kV Mũi Né từ 31/12/2015 đến 10/03/2017 nhưng đến 31/12/2020 Tổng Cty vẫn mới hoàn chứng từ cho khoản trích trước chi phí trên TK 335 *"Chi phí phải trả"* số tiền trích trước tại 31/12/2020 là: 19.642 triệu đồng, số dư vẫn còn chưa hoàn chứng từ là 8.660 triệu đồng.

Liên quan đến lô đất 344 Phan Chu Trinh, có ghi nhận khoản chi phí phải trả của Bộ Chỉ huy Quân sự- TP Đà nẵng, Tổng Công ty đã ứng trước 25.490 triệu đồng. Khoản chi này đã quá lâu nên đề nghị Ban Điều hành có phương án xử lý sớm, đảm bảo việc ghi nhận tài sản, và chi phí hợp lý nhất.

6. Theo dõi các dự án:

Dự án Khu đô thị Mỹ Thượng – Huế:

Dự án này phát triển đã lâu nên BKS khuyến nghị Tổng Công ty tập trung, đẩy nhanh tiến độ dự án để thu hồi vốn và tận dụng nguồn lực phát triển những dự án có tiềm năng khác.

Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong:

VNECO đã thực hiện nhận chuyển giao dự án TNP thông qua việc mua toàn bộ phần vốn tại Cty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1 và đã hoàn tất việc lựa chọn công nghệ, đầu tư thiết bị để xây lắp nhà máy điện gió. BKS kiến nghị Tổng Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn - trung và dài hạn, kế hoạch vốn, bổ sung lực lượng lao động và các cơ chế phù hợp từng thời điểm, có qui trình kiểm tra giám sát chặt chẽ đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả nhất.

Đối với dự án Điện gió tại Xã Ba Tầng- Quảng trị

Ban Điều hành đang xúc tiến các hồ sơ và thủ tục để được cấp phép thực hiện dự án trong thời gian tới.

Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT, BĐH có kế hoạch định hướng kinh doanh, kế hoạch kinh doanh rõ ràng, xem xét tính khả thi của hoạt động nhất là trong tình trạng hiện nay khả năng thu xếp vốn khó khăn, hơn nữa VNECO vẫn đang bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả 200 tỷ đồng cho Ngân hàng Xây dựng, trong vụ án Bà Hứa Thị Phấn.

BKS cũng khuyến nghị Tổng Công ty xem xét, nghiên cứu và khai thác tối đa các tài sản hiện hữu, cũng như tiềm năng hiện có của Tổng Công ty trong hoạt động kinh doanh, nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

7. Về các hoạt động khác:

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động:

Tổng Công ty thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách về tiền lương, thưởng, phụ cấp, ăn ca, BHXH, BHYT, BHTN, an toàn – vệ sinh lao động đối với người lao động theo đúng pháp luật, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể, đồng thời đẩy mạnh thực hiện văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo động lực và môi trường làm việc tốt cho cán bộ, nhân viên.

Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại:

Trong năm 2020, BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, không có khiếu nại nào liên quan đến công tác quản lý, điều hành của Tổng Công ty, đến quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong quý cổ đông đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó.

Ban kiểm soát Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thay mặt BKS, chúng tôi chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban đơn vị, các cổ đông và cán bộ CNV Tổng Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong năm qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hà

Nơi nhận:
- Như trên.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc.
- Lưu BKS. Thư ký HĐQT.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và kiểm toán Báo cáo Tài chính 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp Kiểm toán và Kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

Căn cứ vào danh sách các công ty Kiểm toán và Kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán độc lập có tên sau đây để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể :

1. Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam;
2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
3. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng;
4. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng;

Các đơn vị kiểm toán nêu trên có đầy đủ năng lực, uy tín và kinh nghiệm, có cấp phép hoạt động hành nghề hợp pháp và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng niêm yết.

Trên đây là phương án đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét thực hiện soát xét Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)
NGUYỄN THỊ THANH HÀ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

Về mức thù lao của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020:

6 tháng đầu năm 2020, Hội đồng quản trị có 07 thành viên; 6 tháng cuối năm, HĐQT có 05 thành viên (theo quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2020, nhiệm kỳ 2020-2025 số thành viên HĐQT là 05 người); Ban kiểm soát là 03 thành viên; Thư ký HĐQT là 01 thành viên.

Thực hiện nghị Nghị quyết số 01/2020 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2020 của ĐHĐCĐ về mức lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện như sau:

- Mức thù lao Chủ tịch HĐQT (6 tháng đầu năm): 10.000.000 đồng/người/tháng
- Mức lương Chủ tịch HĐQT (chuyên trách): 50.000.000 đồng/người/tháng
- Mức thù lao Thành viên HĐQT: 7.000.000 đồng/người/tháng
- Mức lương Trưởng BKS (chuyên trách): 25.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Mức thù lao cho thư ký HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao, lương đã chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 là: 1.239.471.000 đồng.

2. Mức lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021

Năm 2021, số thành viên Hội đồng quản trị là 05 người và số thành viên Ban kiểm soát là 03 người.

Hội đồng Quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn mức tiền lương, thù lao đối với Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2021, như sau:

- Mức lương Chủ tịch HĐQT: 50.000.000 đồng/người/tháng
- Mức thù lao Thành viên HĐQT: 7.000.000 đồng/người/tháng
- Mức lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Mức thù lao cho thư ký HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao, lương dự kiến trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2021 là: 1.380.000.000 đồng.

3. Mức thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2021:

- Mức thưởng đối với HĐQT: 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Công ty;
- Mức thưởng đối với Ban điều hành Tổng Công ty: 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Bổ sung, sửa đổi Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: ĐHĐCĐ Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư Số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam;

Để phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan đến Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng Khoán vào Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua:

1. Bổ sung sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

(Chi tiết có: Bản dự thảo đính kèm).

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

(Chi tiết có: Bản dự thảo đính kèm).

3. Ủy quyền HĐQT quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT; Ủy quyền Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Trên đây là nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ, dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu VNECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH
Báo cáo các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam tại thời điểm 31/12/2020, số liệu đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng kiểm toán ban hành ngày 30/3/2021.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty năm 2020, cụ thể:

1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2020

1.1. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020:

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	**100**	**998.080.849.009**	**739.532.509.880**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**83.886.862.674**	**16.145.593.107**
1. Tiền	111	83.886.862.674	16.145.593.107
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5.000.000.000**	**0**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.000.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**766.478.703.358**	**598.698.846.384**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	572.263.332.178	312.811.119.536
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	156.332.502.418	91.308.034.429
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.235.396.818	6.148.497.806
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	198.104.742.138	352.888.464.807
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(164.457.270.194)	(164.457.270.194)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**104.702.968.185**	**83.008.455.986**
1. Hàng tồn kho	141	104.702.968.185	83.008.455.986
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**38.012.314.792**	**41.679.614.403**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	129.352.648	51.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	33.978.850.963	37.984.805.964
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.904.111.181	3.643.808.439
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	**200**	**920.357.561.884**	**566.171.786.517**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**1.333.845.480**	**1.333.845.480**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	1.333.845.480	1.333.845.480
II. Tài sản cố định	**220**	**74.458.891.509**	**66.639.894.992**
1. Tài sản cố định hữu hình	**221**	**42.660.814.762**	**42.428.892.289**
- Nguyên giá	222	104.463.995.040	97.188.775.143
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(61.803.180.278)	(54.759.882.854)
2. Tài sản cố định vô hình	**227**	**31.798.076.747**	**24.211.002.703**
- Nguyên giá	228	35.236.666.848	27.241.666.848
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(3.438.590.101)	(3.030.664.145)

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
3. Bất động sản đầu tư	**230**	**222.390.124.834**	**222.390.124.834**
- Nguyên giá	231	222.390.124.834	222.390.124.834
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**153.146.377.992**	**163.760.087.919**
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	83.797.928.126	100.420.230.884
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	69.348.449.866	63.339.857.035
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**467.642.005.903**	**109.289.109.672**
1. Đầu tư vào công ty con	251	434.512.280.000	76.812.280.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	8.854.100.000	18.414.100.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	30.823.058.160	30.823.058.160
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(9.727.432.257)	(19.940.328.488)
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	255	3.180.000.000	3.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**	**1.386.316.166**	**2.758.723.620**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.157.186.769	2.361.662.177
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	229.129.397	397.061.443
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	**270**	**1.918.438.410.893**	**1.305.704.296.397**
Chỉ tiêu nguồn vốn	**Mã số**	**Số cuối kỳ (31/12/2020)**	**Số đầu năm (01/01/2020)**
C. Nợ phải trả (300=310+330)	**300**	**951.503.598.162**	**354.111.266.290**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**940.235.424.106**	**354.111.266.290**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	284.622.794.999	39.339.747.682
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	57.511.491.189	86.352.366.534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	86.119.041	103.702.499
4. Phải trả người lao động	314	7.147.417.453	6.251.469.459
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	198.327.547.882	132.544.527.831
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	748.511.210	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	61.612.767.952	1.388.824.775
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	325.833.164.763	86.046.943.004
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.685.941.560	0
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	659.668.057	2.083.684.506
II. Nợ dài hạn	**330**	**11.268.174.056**	**0**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	1.665.889.546	0
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	9.602.284.510	0
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	**400**	**966.934.812.731**	**951.593.030.107**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**966.934.812.731**	**951.593.030.107**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.522.600.000	2.522.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(86.919.236.536)	(86.919.236.536)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	128.675.858.658	113.334.076.034
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a	112.855.392.483	103.760.405.020

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
kỳ trước			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	15.820.466.175	9.573.671.014
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**	**0**	**0**
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	**440**	**1.918.438.410.893**	**1.305.704.296.397**

1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**1.229.011.333.992**	**1.120.194.039.034**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	**1.229.011.333.992**	**1.120.194.039.034**
4	Giá vốn hàng bán	11	1.157.457.920.494	1.039.031.373.480
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**71.553.413.498**	**81.162.665.554**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.291.117.837	1.453.339.259
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	18.183.775.411	14.665.287.417
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	*11.141.783.068*	*9.741.099.405*
8	Chi phí bán hàng	24	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	37.810.377.128	53.156.574.091
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**	**16.850.378.796**	**14.794.143.305**
11	Thu nhập khác	31	548.459.943	3.721.560.103
12	Chi phí khác	32	347.158.514	2.575.642.518
13	**Lợi nhuận khác**	**40**	**201.301.429**	**1.145.917.585**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**17.051.680.225**	**15.940.060.890**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.063.282.004	5.455.845.464
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	167.932.046	910.544.412
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**	**15.820.466.175**	**9.573.671.014**

1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2020:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.056.876.544.911	730.950.898.002
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2	(1.027.439.186.411)	(795.812.856.560)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(23.650.238.976)	(20.071.721.766)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(10.870.013.196)	(9.779.051.770)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(1.323.584.746)	(6.675.354.736)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	100.283.893.481	138.057.011.660
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(114.466.158.520)	(70.753.440.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-	***20***	***(20.588.743.457)***	***(34.084.515.188)***

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
KD			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.719.550.818)	(12.289.657.614)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	30.000.000	30.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(93.087.012.733)	(10.926.075.450)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	88.083.659.461	5.890.860.970
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(155.686.774.609)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25.000.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.321.219.483	1.384.041.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(161.058.459.216)***	***(15.910.830.698)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	740.022.815.034	533.770.031.352
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(490.634.311.765)	(566.980.302.472)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***249.388.503.269***	***(33.210.271.120)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**67.741.300.596**	**(83.205.617.006)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**16.145.593.107**	**99.351.259.716**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(34.029)	(49.603)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**83.886.859.674**	**16.145.593.107**

1.4. Các hệ số tài chính tổng hợp năm 2020:

TT	Các hệ số tài chính cơ bản	ĐVT	Giá trị
I	**Hệ số nợ**		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	49,60
2	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	0,98
II	**Hệ số tự tài trợ**		
1	Nguồn vốn dài hạn/TS dài hạn	lần	0,92
2	Nguồn vốn ngắn hạn/TS ngắn hạn	lần	1,07
III	**Hệ số khả năng thanh toán**		
1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,02

2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	lần	0,95
3	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,06
4	Hệ số khả năng thanh toán lãi vay	lần	2,53
IV	**Hệ số khả năng sinh lời**		
1	Hệ số LNST/Tổng TS	%	0,98
2	Hệ số LNST/DT	%	1,29
3	Hệ số LNST/Vốn CSH	%	1,66
4	Hệ số LNST/Vốn ĐL	%	1,75

1.5- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC Hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu tại 31/12/2020
1.	Tổng Tài sản	đồng	2.092.973.873.253
2.	Vốn chủ sở hữu	đồng	993.948.185.559
3.	Doanh thu thuần	đồng	1.299.667.447.013
4.	Lợi nhuận sau thuế	đồng	14.446.842.475
5.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**đồng/cổ phiếu**	**141**

1.6- Ý kiến của Kiểm toán viên:

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Kết luận của Kiểm toán viên không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này, tuy nhiên, Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Toà án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 22/06/2020 Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Tái thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, tiếp đó Tổng Công ty đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị đối với bản án trên.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính Tổng hợp của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn "vấn đề cần nhấn mạnh" về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trên đây là Báo cáo tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định!

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

Phương án Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty năm 2020, số liệu đã được Ban Kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra và Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết HĐQT Tổng Cty CP XD Điện Việt Nam ngày 08/6/2021;

Hội đồng Quản trị Tổng Cty CP XD Điện Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
I.	**Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2020**		
1.	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	đồng	112.855.392.483
2.	Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2020	đồng	15.820.466.175
3.	Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	đồng	86.919.236.536
4.	Tổng lợi nhuận còn lại (I.4=I.1+I.2-I.3)	đồng	41.756.622.122
5.	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020 (I.5=I.5.1+I.5.2)		791.023.309
5.1	Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2020)	đồng	791.023.309
5.2	Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt	đồng	-
6.	**Tổng lợi nhuận còn lại trên BCTC Tổng hợp sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2020 (I.6=I.4-I.5)**	**đồng**	**40.965.598.813**
II.	**Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020**		
1.	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	đồng	112.074.029.455
2.	Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2020	đồng	11.549.103.336
3.	Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	đồng	86.919.236.536
4.	Tổng lợi nhuận còn lại (II.4=II.1+II.2-II.3)	đồng	36.703.896.255
5.	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020 (II.5=II.5.1+II.5.2)		791.023.309
5.1	Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2020)	đồng	791.023.309
5.2	Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt	đồng	0
6.	**Tổng lợi nhuận trên BCTC Hợp nhất còn lại sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2020 (II.6=II.4-II.5)**	**đồng**	**35.912.872.946**
III.	**Tổng Lợi nhuận sau thuế khả dụng còn lại của VNECO (theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014)**	**đồng**	**35.912.872.946**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Anh Tuấn

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
(Dự thảo)

Đà Nẵng, tháng 06/2021

(Dự thảo) **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam ("VNECO" hoặc "Tổng Công ty") được thông qua toàn văn theo Nghị quyết số: 01 NQ/ VNECO-ĐHĐCĐ ngày ... tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty (sau đây gọi tắt là: Điều lệ).

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6 /2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

e) *Ngày thành lập* là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng Tổng Công ty và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;

g) *Người quản lý doanh nghiệp* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền HĐQT phê chuẩn;

h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

i) *Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con*: là Tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm Công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

j) *Tổng Công ty* là: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO);

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Tổng Công ty (Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp);

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Pháp luật* có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

n) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngũ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty.

1. Tên của Tổng Công ty bằng tiếng Việt là:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Tên của Tổng Công ty bằng tiếng Anh là:

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT-STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt của Tổng Công ty là: **VNECO**

Biểu trưng (Logo):

VNECO

2. Tổng Công ty được thành lập theo hình thức cổ phần hóa Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ nhà nước) thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Tổng Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;

Điện thoại: 0236.3562361 Fax: 0236.3562367

E-mail: info@vneco.vn; vneco@vneco.com.vn

Web site: www.vneco.com; www.vneco.com.vn

4. Tổng Công ty có hai (02) đại diện theo pháp luật:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị, sở hữu hoặc đại diện 10% vốn điều lệ Tổng Công ty;
- Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

5. Tổng Công ty có thể thành lập Đơn vị trực thuộc; chia, tách và chuyển đổi Đơn vị trực thuộc tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi cho phép của Pháp Luật và Điều Lệ này.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty

1. Mục tiêu của Tổng Công ty là:

Xây dựng, phát triển Tổng Công ty thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, có tiềm lực tài chính và trình độ kỹ thuật - công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu xây dựng các hệ thống lưới điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình nguồn điện và phát triển kinh doanh du lịch - dịch vụ cho đất nước.

Phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Tổng Công ty cho các Cổ đông, nâng cao giá trị Tổng Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thuỷ lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng; Xây dựng hệ thống cáp ngầm đến 220KV;

- Sản xuất và kinh doanh điện;

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất; kinh doanh xăng dầu;

- Thí nghiệm, hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp khác;

- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

- Đầu tư nhà máy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;

- Đầu tư tài chính;

- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

- Kinh doanh vận tải hàng hoá, kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;

- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;

- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử, viễn thông, điện gia dụng;

- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;

- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước; hóa mỹ phẩm; kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ; kinh doanh đồ dùng cá nhân, gia đình;

- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;

- Kinh doanh các nghành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 5. Mô hình tổ chức hoạt động của Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO) hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con; trong đó: VNECO là Công ty mẹ và có các Công ty con, công ty liên kết là: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà có vốn góp của Công ty mẹ.

- Công ty con: là doanh nghiệp mà trong đó VNECO (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó;

- Công ty thành viên liên kết: Là doanh nghiệp mà VNECO có vốn góp nhưng không nắm quyền kiểm soát chi phối và có sự liên kết chặt chẽ với VNECO thông qua chiến lược phát triển, chiến lược thị trường, định hướng đầu tư, công nghệ, nguồn cung cấp nguyên nhiên vật liệu, thị trường, thương hiệu và các vấn đề khác có liên quan trong hoạt động kinh doanh của VNECO.

Điều 6. Chức năng, nghĩa vụ và quyền hạn của Công ty mẹ

Tổng Công ty là chủ sở hữu phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty con, công ty liên kết và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty mẹ và Điều lệ của Công ty con, công ty liên kết;

Công ty mẹ thực hiện quyền của cổ đông thông qua đại diện của mình tham gia quản lý ở các Công ty con, công ty liên kết; thu cổ tức từ phần vốn góp của mình vào Công ty Công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ vốn góp và Công ty mẹ được phân chia một phần thu nhập do Công ty Công ty con, công ty liên kết sử dụng các nguồn lực khác của Công ty mẹ ngoài vốn góp;

Công ty mẹ xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm cho cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con;

Kiểm tra các Công ty con, công ty liên kết trong việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết với Công ty mẹ;

Công ty mẹ cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, Người đại diện phần vốn góp của mình; Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện của mình xin ý kiến Công ty mẹ trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; quyết định đầu tư, mua/bán tài sản có giá trị lớn cần biểu quyết của cổ đông, thành viên HĐQT;

Kiểm tra giám sát người đại diện trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty mẹ;

Quyết định việc các Công ty con, công ty liên kết được sử dụng thương hiệu, logo của Công ty mẹ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Quyết định việc đầu tư, góp vốn vào các Công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật;

Công ty mẹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Chức năng, nghĩa vụ và quyền hạn của Công ty con, công ty liên kết

Công ty con, công ty liên kết được tổ chức, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty con, công ty liên;

Mục tiêu chiến lược kinh doanh phát triển Công ty con, công ty liên kết phù hợp với chiến lược phát triển của cả tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

Công ty con, công ty liên kết có trách nhiệm thực hiện phương án phối hợp kinh doanh của Tổng Công ty;

Công ty con, công ty liên kết hoàn toàn bình đẳng trong mối quan hệ với Công ty mẹ và các quan hệ kinh tế giữa Công ty mẹ với Công ty con, công ty liên kết được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế; đối với các giao dịch phát sinh thường xuyên về thi công xây lắp các công trình điện giữa Công ty mẹ với công ty con do Người đại diện pháp luật của Tổng Công ty triển khai thực hiện. Công ty con, công ty liên kết chịu trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng/giao dịch đã ký kết;

Công ty con, công ty liên kết đăng ký sử dụng thương hiệu, logo của Công ty mẹ theo quy định của HĐQT Tổng Công ty và có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ thương hiệu theo quy chế của Tổng Công ty;

Công ty con, công ty liên kết chịu trách nhiệm phối hợp với Công ty mẹ về thông tin, thị trường, các ứng dụng nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên;

Trường hợp cần thiết, Công ty con, công ty liên kết có thể nhận được sự bảo lãnh từ Công ty mẹ để thực hiện một số nhiệm vụ kinh doanh ngoài năng lực của mình;

Công ty con, công ty liên kết có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

CHƯƠNG V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 904.329.530.000 đồng (Chín trăm linh bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm mươi nghìn đồng).

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 90.432.953 cổ phần (Chín mươi triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi ba cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng).

2. Tổng Công ty có thể thay đổi Vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Tổng Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này.

4. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng Công ty có thể mua cổ phần của chính Tổng Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức phù hợp với các quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều này.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng Công ty đã phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần được mua theo giá ưu đãi của các nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng trong vòng 03 (ba) năm, kể từ ngày hoàn tất thủ tục mua cổ phần. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Hội đồng quản trị Tổng Công ty chấp thuận.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng Cổ đông;

b. Hội đồng quản trị;

c. Tổng Giám đốc;

d. Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc (ii) khi Hội đồng quản trị vi phạm Điều Lệ này hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này và các quy định khác của Pháp Luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 và Khoản 1 Điều 34 của Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị Tổng Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự Họp hoặc thực hiện bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

6. Bảo vệ lợi ích tài sản của Tổng Công ty; Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng Công ty;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;

6. Nghĩa vụ công bố thông tin của Cổ đông lớn: Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tổng Công ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Tổng Công ty, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết theo quy định của Ủy ban chứng khoán.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với cùng kỳ;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e của Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

đ. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp

được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên;

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và Điều 22 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ

đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt mà không có ủy quyền hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng

quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định do Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua và các quy định tại Điều lệ này.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ này.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, trừ các trường hợp: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất mười một (11) người. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị Tổng Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

6. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì

lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;

g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

6.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

(i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

(ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

(iii) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết;

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

(i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, từ trường hợp bất khả kháng; (ii) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

j) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả và xác định mức cổ tức tạm thời;; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

a) Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

b) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

c) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

e) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

f) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị

phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên năm mươi phần trăm (50%)) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Mức lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động; kiến nghị số lượng và người điều hành Tổng Công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm; Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty.

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này, được thực hiện như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa (04) bốn ứng viên và nếu từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập

chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các

giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và chế độ thôi việc và các vấn đề liên quan đến người lao động nghỉ việc, và người điều hành Tổng Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Tổng Công Ty và quy định của Pháp Luật

CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Tổng Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu được chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam nhất trí thông qua ngày tháng 6 năm 2021 tại cuộc họp thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ này thay thế Điều lệ đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.

CHỦ TỊCH HĐQT **TỔNG GIÁM ĐỐC**

VNECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Dự thảo)

Đà Nẵng, tháng 06/2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

(Dự thảo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/VNECO-ĐHĐCĐ ngày... tháng 6 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty ("Quy chế") quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty, bao gồm những nội dung chính sau:

a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát;

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;

d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Quản trị công ty" là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công ty.

2. Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều Lệ của Tổng Công ty sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Theo Điều 16 Điều Lệ Tổng Công ty quy định về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

o) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

p) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

q) Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng

cổ đông trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công Ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1.1.b Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Khoản 1.1.c và Khoản 1.1.d Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

1.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

1.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại 1.1.c Điều này có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

2.1. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

3.1. Tổng Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3.2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Tổng Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

4.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Tổng Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.

4.2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết.

5. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

5.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị

phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5.2 Điều này.

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông

6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 17 Điều lệ Tổng Công ty.

6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty). Khi Cổ đông chấm dứt hoặc thay đổi Người được ủy quyền dự họp thì phải thông báo bằng văn bản đến Tổng Công ty trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

7.1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Tổng Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

7.2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

8. Điều kiện tiến hành

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

8.4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

10. Cách thức bỏ phiếu

10.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại đại hội sẽ tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

10.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành biểu quyết.

10.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

10.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Điều lệ Tổng Công ty.

11. Cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu

Số phiếu, thẻ biểu quyết được kiểm đếm theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề.

Việc công bố kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau: Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ: Tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử; Lập biên bản và công bố công khai Biên bản kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông; Bàn giao các Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử đã niêm phong cho Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số liệu, kiểm tra, lập biên bản kiểm phiếu và công bố công khai kết quả kiểm phiếu.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 12.1 Điều này.

12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

12.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định do Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua và các quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

13.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Tổng Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

13.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo trong biên bản họp, nghị quyết (nếu có) phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này.

2. Trình tự, thủ tục thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.4.Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

2.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp. Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ do HĐQT/Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu trên của Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thực hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thực hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến trong trường hợp xét thấy cần thiết. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, HĐQT/Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

j) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hôi đồng quản trị

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 5 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

3.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04)

ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định do HĐQT trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

(i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

(ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

(iii) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết;

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

(i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, từ trường hợp bất khả kháng; (ii) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết.

5.2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5.1 Điều này.

5.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát bị giảm còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty (nếu có);

f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

6.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7.3 Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù

lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2.1 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị.

3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

6.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này.

6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6.5. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

9.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

9.2. Thời gian, địa điểm họp.

9.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

9.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

9.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

9.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

9.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

9.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

9.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ khoản 9.1 đến 9.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

13. Thẩm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1.1. Người phụ trách quản trị công ty của Tổng Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

1.2. Người phụ trách quản trị công ty của Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Tổng Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3.2. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

3.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;

5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

5.4. Tham dự các cuộc họp;

5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

5.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

5.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;

5.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.

1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

1.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty.

1.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13 Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

1.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1.12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

1.13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

1.14. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

1.15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

1.16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

1.19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

1.20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

2.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.

2.3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

2.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2.1 đến 2.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

2.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1.1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Kiểm soát viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

2.4. Không phải là người quản lý Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;

2.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng Công ty;

2.6. Không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

3.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Tổng Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa (04) bốn ứng viên và nếu từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên

3.2. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định do HĐQT/Người triệu tập trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

Chương V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động; kiến nghị số lượng và người điều hành Tổng Công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm; Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty.

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1.1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình với Kiểm soát viên;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty;

d) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

5.1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

5.2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Ban Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

1.4. Tại các phiên họp đình kỳ, đột xuất của Ban điều hành, Tổng Giám đốc/người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có).

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;

b) Ban kiểm soát;

4.2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 4.1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 4.1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

5.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu.

5.2. Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Tổng Công ty theo quy định Phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Hội đồng quản trị; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Tổng Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác.

5.3. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

5.4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, quyết định và các nội dung theo phân cấp, ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Gám đốc.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

7.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài liệu liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng quản trị.

Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7.2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Tổng Công ty;

Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện;

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;

Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp BKS khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc. Biên bản họp Ban kiểm soát trong trường hợp này phải được gửi tới Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

8.3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Tổng Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác

1. Đánh giá hoạt động

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Tổng Công ty;

Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên;

Việc đánh giá trên đây được thực hiện 1 lần/năm. Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá theo quy định của HĐQT/Tổng Giám đốc/Ban Kiểm soát trong từng thời kỳ.

2. Khen thưởng: Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Tổng Công ty, công tác quản trị, điều hành sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của Tổng Công ty và quy định của pháp luật. Hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn khen thưởng, trình tự thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổ phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật và các quy định của Tổng Công ty.

Điều 19. Công bố thông tin

1. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng Công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của Tổng Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Tổng Công ty.

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Điều 20. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

Điều 21. Ngày hiệu lực

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam bao gồm 6 chương, 21 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày …. tháng 6 năm 2021./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2021 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ **(Dự thảo)**	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 6 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thường niên năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam ngày 30/6/2021;

Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam đã nhất trí (biểu quyết) với tỷ lệ …%:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:
   - Tổng doanh thu và thu nhập: 1.230,850 tỷ đồng
   - Lợi nhuận trước thuế: 17,051 tỷ đồng
   - Lợi nhuận sau thuế: 15,820 tỷ đồng
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:
   - Tổng doanh thu và thu nhập: 3.050 tỷ đồng
   - Lợi nhuận trước thuế: 104,620 tỷ đồng
   - Lợi nhuận sau thuế: 83,696 tỷ đồng
   - Cổ tức: %

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT Tổng Công ty.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021;

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, như sau:

Các chỉ tiêu BCTCTổng hợp năm 2020	Giá trị (đ)	Các chỉ tiêu BCTC Hợp nhất năm 2020	Giá trị (đ)
Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	112.855.392.483	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	112.074.029.455
Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2020	15.820.466.175	Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2020	11.549.103.336
Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	86.919.236.536	Lợi nhuận đã sử dụng mua CP quỹ	86.919.236.536

Tổng lợi nhuận còn lại (I.4=I.1+I.2-I.3)	41.756.622.122	Tổng lợi nhuận còn lại (II.4=II.1+II.2-II.3)	36.703.896.255
Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020 (I.5=I.5.1+I.5.2)	791.023.309	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020 (II.5=II.5.1+II.5.2)	791.023.309
Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2020)	791.023.309	Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2020)	791.023.309
Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt	0	Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt	0
Tổng lợi nhuận còn lại trên BCTC Tổng hợp sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2020 (I.6=I.4-I.5)	40.965.598.813	Tổng lợi nhuận trên BCTC Hợp nhất còn lại sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2020 (II.6=II.4-II.5)	35.912.872.946

Điều 6. ĐHĐCĐ thông qua nội dung Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Điều 7. ĐHĐCĐ thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Điều 8. ĐHĐCĐ giao cho: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT; Ban Kiểm soát quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 9. Phê chuẩn về việc chọn Công ty kiểm toán.

Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong bốn (04) đơn vị kiểm toán độc lập sau đây: Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM; Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng; Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty.

Điều 10. Thông qua mức lương, thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tiểu ban thư ký năm 2021, như sau:

- Mức lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 50.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao thành viên HĐQT: 7.000.000 đồng/người/tháng
- Mức lương TBKS chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao cho thành viên BKS: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao Trưởng Tiểu ban thư ký: 4.000.000 đồng/tháng
- Thù lao thành viên Tiểu ban thư ký: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Mức thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2021: Mức thưởng đối với HĐQT là 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Công ty; Mức thưởng đối với Ban điều hành là 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Công ty.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M ĐHĐCĐ TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CHỦ TỌA/CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- UBCKNN, HoSE (báo cáo);
- HĐQT, Ban điều hành (thực hiện);
- Ban Kiểm soát (giám sát);
- Lưu VNECO.